TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30 / 10 / 2018
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Vĩnh Thành;

2. Ông Huỳnh Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Lưu Tiến Dũng –Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T (C), sinh năm 1988, nơi cư trú: số 1055, tổ 13, ấp M, xã C, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Mỹ T1, sinh năm 1975, nơi cư trú: số 1055, tổ 13, ấp M, xã C, thành phố D, tỉnh An Giang.

Chị T (C) có mặt, anh T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T (C) trình bày: Vào năm 2009, chị T và anh T1 do mai mối nên tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung, chị T và anh T1 phát sinh mâu thuẫn do anh T1 thường xuyên nhậu nhẹt, xúc phạm danh dự và có thái độ hành hung đánh đập chị T. Cho nên, chị T về nhà cha ruột tại tổ 7, ấp

M, xã C, thành phố D, tỉnh An Giang sinh sống và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2018 cho đến nay. Nhận thấy, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị T và anh T1 có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim T2, sinh ngày 07/01/2010 và Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 17/12/2014 hiện đang sống cùng với chị T. Chị T yêu cầu nuôi dạy hai con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo biên bản hòa giải, lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Mỹ T1 trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến cuộc sống chung của anh T1 và chị T như chị T trình bày.Trong thời gian chung sống, anh T1 và chị T phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc nên xảy ra cãi nhau. Anh T1 và chị T đã không còn sống chung với nhau từ tháng 7/2018 cho đến nay. Hiện nay, anh T1 đang làm công nhân tại thành phố Hồ Chí Minh. Nhân thấy, cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm của anh T1 và chị T không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình nên anh T1 đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh T1 đồng ý giao hai con chung cho chị T nuôi dạy vì hai cháu sống chung với gia đình chị T, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Mỹ T1 chung sống với nhau vào năm 2009 không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Tòa án không hòa giải về tình cảm chỉ tiến hành hòa giải về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa:

- Chị Nguyễn Thị Kim T (C) vẫn giữ ngyên yêu cầu ly hôn anh T1; yêu cầu được nuôi dạy 02 con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, có cơ sở xác định, chị T và anh T1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, không đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thị Kim T2, sinh ngày 07/01/2010 và Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 17/12/2014. Chị T và anh T1 thống nhất giao con chung cho chị T nuôi dạy, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyện vọng của T2 (con của T và T1) muốn sống cùng với chị T. Do đó, đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ theo Điều 14, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị không công nhận vợ chồng giữa chị T và anh T1, giao 2 con chung cho cị T tiếp tục nuôi dạy, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền:* Chị Nguyễn Thị Kim T (C) khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Mỹ T1. Anh T1 có nơi cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về việc vắng mặt của đương sự*: Anh Nguyễn Mỹ T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kim T (C) và anh Nguyễn Mỹ T1 do gia đình mai mối nên tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, không đăng ký kết hôn.

Theo giấy xác minh ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang: chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Mỹ T1 chưa đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Châu.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân - gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng*''.

Tại Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*".

Chị Nguyễn Thị Kim T (C) và anh Nguyễn Mỹ T1 có tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau từ năm 2009, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét, không công nhận chị Nguyễn Thị Kim T (C) và anh Nguyễn Mỹ T1 là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim T (C) và anh Nguyễn Mỹ T1 đồng thống nhất khai: Trong thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung Nguyễn Thị Kim T2, sinh ngày 07/01/2010 và Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 17/12/2014. Chị T (C) có yêu cầu được nuôi dạy 02 con chung và anh T1 đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dạy.

Theo biên bản ý kiến cháu Nguyễn Thị Kim T2 hiện đang sống chung với chị T và em tại tổ 7, ấp M, xã C, thành phố D, tỉnh An Giang có nguyện vọng được sống cùng chị T (C) vì được chị T (C) chăm sóc tốt, được đi học và có cuộc sống ổn định. Đồng thời, theo bản tự khai, biên bản hòa giải, chị Nguyễn Thị Kim T (C) và anh Nguyễn Mỹ T1 đồng thống nhất chị T (C) được nuôi dạy hai con chung Kim T2 và Kim H là phù hợp với nguyện vọng cháu T2 và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T (C) không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa chị T (C) không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T (C) phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng chị T có cung cấp sổ hộ nghèo nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Hoàn trả tạm ứng án phí cho chị T (C).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Kim T (C) và anh Nguyễn Mỹ T1 là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim T (C) được nuôi dạy 02 (hai) cháu Nguyễn Thị Kim T2, sinh ngày 07/01/2010 và Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 17/12/2014. Anh Nguyễn Mỹ T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Kim T (C) cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Mỹ T1 trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kim T (C) không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0007401 ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc cho chị Nguyễn Thị Kim T (C).

Anh Nguyễn Mỹ T1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Thời hạn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim T (C) là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng thời hạn kháng cáo của anh Nguyễn Mỹ T1 vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

Nguyễn Thanh Ngọc